

Tư liệu văn bia chùa Phật Tích, Bắc Ninh

ISSN: 2734-9195

13:30 06/09/2026

Hầu hết bia ở đây được dựng vào thời Lê Trung hưng, trong khi một số chùa ở Bắc Ninh được dựng vào thời Nguyễn (chùa Đại Thành, chùa Linh Sơn, chùa Đồng Nhân,...).

Tác giả: **Nguyễn Quang Khải**

Nguyên Phó Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Bắc Ninh (cũ)

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 09/2026

Tóm tắt: Văn bia chùa Phật Tích giúp chúng ta biết được những nét chính về hành trạng của một số vị sư tổ đã từng tu hành ở chùa Phật Tích; sự minh bạch trong việc kê khai ruộng đất phục vụ cho việc thờ cúng các tổ được ghi trong các văn bia và hầu hết bia ở đây được dựng vào thời Lê Trung Hưng.

Tìm hiểu văn bia chùa Phật Tích, chúng ta cũng tìm thấy tư liệu về đời sống tín ngưỡng của giới quý tộc thời Lê Trung hưng; biết được tình hình sử dụng ruộng đất trong nhà chùa; hiểu được ý nghĩa giáo dục từ sự đề cao đạo lý hiếu nghĩa trong giới tăng sĩ; cảm nhận được tầm ảnh hưởng của chùa Phật Tích trong đời sống tinh thần của thế giới cung đình thời Lê Trung Hưng.

Từ khóa: Chùa Vạn Phúc, Diệu Tuệ, Mật Hạnh.

Chùa Phật Tích (tên chữ là 萬福禪寺 Vạn Phúc thiền tự) thuộc làng Phật Tích xã Phật Tích tỉnh Bắc Ninh hiện có 17 văn bia, trong đó có 1 văn bia khắc lại bài thơ “Thư bút đặc tứ”, 2 bia hậu Phật, 1 văn bia khắc lại bản Sắc xây dựng tháp Linh Quang, 1 văn bia nói về việc xây dựng chùa Phật Tích. Số văn bia còn lại đều có nội dung nói về hành trạng các vị sư tổ đã từng tu hành tại chùa và các bia đó đều được dựng trong các tháp sư.



Chùa Phật Tích - Ảnh: Minh Khang

Tìm hiểu nội dung bia và nơi dựng bia, chúng tôi thấy văn bia ở đây có nhiều đặc điểm và giá trị tư liệu mà văn bia ở các nơi khác không có. Trong bài này, chúng tôi muốn làm rõ những đặc điểm và những giá trị đó của văn bia ở chùa Phật Tích tỉnh Bắc Ninh, nhằm thể hiện một góc nhìn về giá trị của chùa Phật Tích trong lịch sử.

1. Một số đặc điểm Văn bia chùa Phật Tích tỉnh Bắc Ninh

1.1. Hầu hết các văn bia được dựng trong các tháp sư và có nội dung nói về hành trạng các vị sư tổ chùa Phật tích

Trong nhiều chục năm tìm hiểu các ngôi chùa cổ ở tỉnh Bắc Ninh, chúng tôi thấy nhiều chùa có lượng tháp sư rất lớn: chùa Bách Tháp ở xã Nam Sơn, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh cũ (43 tháp), chùa Bồ Đà, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang cũ (56 tháp), chùa Tiêu Sơn, xã Tương Giang, Tp. Từ Sơn cũ (13 tháp),... nhưng những ngọn tháp có bia trong đó, hầu hết chỉ ghi pháp danh, ngày tháng năm sinh và ngày tháng viên tịch (ghi theo lịch Can Chi), rất ít có tháp có văn bia ghi hành trạng của vị tổ được an hài cốt (hoặc xá lý) ở tháp đó. Nhưng trong số hơn 30 ngọn tháp sư chùa Phật Tích có đến 14 ngọn tháp có an bia đá, và trong số các bia đó có đến 12 văn bia có nội dung nói về hành trạng các tổ hoặc có liên quan đến hành trạng của tổ.

Chẳng hạn, văn bia密行禪師庵記 “Mật Hạnh thiền sư am ký” (1) có đoạn:

密行禪師法號妙興化身菩薩□ 本慈廉西儋□ 阮 令族之淑女也□ 生之靜淵□ 質具慈慧 (...)
適於 丙辰之冬節卸却世緣檣開意網謹投廣嚴法寺□ 受 教禪宗竟能忍辱□ 以持心清淨□
以見性率乃仗法 緣□ 登覺岸□ 雲 愈淨而月愈暉既焉 而妙諦□ 真 詮始終融會完然□
一阿潘勝境之禪子矣□ 原庚寅 之秋受燈印之真傳□ 住勝覽仁鄉之寶刹□ 勤修苦
行期滿善因浮般若之慈般□ 種菩提之勝果□ 禪林 既慈紺宇 (...)
迺于丁丑年十月初四日圓寂於蓮 宗 梵宇□ 壽齡四十有八□ 修間而一塵不染□ 玄 寶熒然□
迨己卯歲仲夏良晨□ 法子妙泰等迎舍利 詣于跡山萬福寺見庵而寧曆焉□

Tạm dịch: Mật Hạnh thiền sư pháp hiệu là Diệu Hưng hoá thân Bồ tát, vốn là thực nữ của họ Nguyễn, người Tây Đàm huyện Từ Liêm bản tính từ bi, trí tuệ (...). Vào mùa Đông năm Bính Thìn có ý muốn đến đầu Phật tại chùa Quảng Nghiêm, nhẫn nhục thụ giáo Thiền tông Cảnh Năng, giữ tâm thanh tịnh, lấy việc kiến tính để trợ giúp pháp duyên, đến bến bờ giác ngộ. Thật là trước sau dung hội được tất cả sự cần có của một Thiền tử. Nguyên là mùa Thu năm Canh Dần thụ chân truyền trụ trì chùa Thắng Lâm, cần mẫn tu khổ hạnh, nhân đó được từ ban bát nhã, gieo quả Bồ đề, được tắm gội mưa móc chốn thiền lâm (...). Đến ngày mùng 4 tháng 10 năm Đinh Sửu (1757) viên tịch ở chùa Liên Tông, thọ 48 tuổi. Trong thời gian tu hành, một hạt bụi cũng không bị nhiễm. Đến giờ tốt tháng 5 năm Kỷ Mão (1759), các học trò là bọn Diệu Thái đón xá lý đến chùa Vạn Phúc núi Phật Tích thấy am đã được xây rồi,...

Bia dựng vào ngày lành tháng 12 năm Kỷ Mão niên hiệu Cảnh Hưng thứ 20 triều Lê (1759).

Còn bia Hiển Quang tháp ký 顯光塔記(2) có đoạn:

□□□ 起徵南越□ 顯自黎朝□ 貝出南華□ 托 居陶族□ 常州上郡 貫市社東□ 少習儒流□ 長修福慧□ 性本守常□ 為道心能克己為仁□ 佛法要 通□ 知音未遇祖□ 來本貫聞道甚甚□ 置基業以 皈依□ 悟心宗而返本截□ 流萬法藏削千機□ 行 解無双□ 慈悲 有一□ 國王尊事之師□ 貴賤奉承 之道□ 諸方參學□ 教海無穷□ 儒釋串通 渾同一 理□ 老禪耄享七十七年 滿覺 庚申孟秋八日師近 日七月初一日□

Tạm dịch: Nổi danh ở Nam Việt, hiển hách từ triều Lê, nghiệp xuất từ Nam Hoa, thác sinh vào họ Đào, quê quán ở thôn Đông xã Quán Thị quận Thường Châu. Thừa nhỏ học Nho, lớn lên tu Phật, tính vốn giữ thói thường, làm việc đạo tâm để “khắc kỷ vi nhân”. Phật pháp tinh thông, nghe tiếng mà chưa được gặp tổ. Một ngày tổ đến bản quán, nghe đạo mà ngộ, bèn bỏ lại cơ nghiệp để quy y, ngộ tâm tông mà trở về với bản tính không, theo vạn pháp mà chọn giữ thiên cơ, rục rở vô song, từ bi có một. Quốc vương tôn trọng việc làm của sư; người quý kẻ tiện phụng thừa đạo Phật. Các phương tham vấn học hỏi, biển học vô bờ, Nho Thích quán thông đều cùng một lẽ. Lão thiền hưởng thọ 77 tuổi. Vào ngày

mùng 1 tháng 7 đến thăm sư thì ngày mùng 8 tháng Mạnh Thu năm Giáp Thân sư viên tịch.

Văn bia Viên Quang tháp bi ký 圓光塔碑記 (3) thì ghi:

沙彌黎玉迎字真福

安藏舍利圓光塔 恭承比

丘尼妙慧以其户念公多買得田壹畝貳箇付與本社 奉祀香火永為 三宝田係遍年六月二十二日
□ 本 社整備香花灯茶 菓食並就本寺神位前供養□

Tạm dịch: Sa di Lê Ngọc Nghinh tự là Chân Phúc, an tàng xá lợi ở tháp Viên Quang, cung thừa Tỷ khưu ni Diệu Tuệ vì ghi nhớ bà đã tậu 1 mẫu 2 sào ruộng giao cho bản xã làm ruộng Tam bảo để hương hoả phụng tự. Hàng năm đến ngày 22 tháng 6 biện đầy đủ hương hoa, đèn, trà quả cùng đến trước thần vị bản tự cúng dàng.

Văn bia Phổ Quang tháp bi ký 普光塔碑記 (4) có đoạn:

奉差海陽□ 安廣等處鎮守官左勝奇該官署□ 事綸郡公鄭愔□ 郡主夫人鄭氏玉檔□

原有親姑比 丘尼妙慧 勅封聖善菩薩出家修行興崇佛法□ 茲 見僊遊縣佛跡社

本有名藍靈山會上 供養一座立 為 寶塔留傳萬代 乞為宗子□ 因此乃族家財 始買田得四畝留與佛跡社耕種奉祀寶塔香火監守四時 各節依如端內□ 所有始買田各所開陳于

Tạm dịch: Bia ghi chép trên tháp Phổ Quang

Quan Trấn thủ các xứ: Hải Dương, An Quảng,

Tả Thăng kỳ Cai quan Thự Vệ sự là ngài Luân Quận công Trịnh Tuyên; Quận chúa phu nhân là Trịnh Thị Ngọc Đường, nhân có người cô ruột là Tỷ khưu ni Diệu Tuệ, được sắc phong là Thánh Thiện Bồ tát, xuất gia tu hành hưng sùng Phật pháp. Nay thấy xã Phật Tích huyện Tiên Du vốn có danh lam Linh Sơn hội thượng, bèn xin với các tôn tử được cúng dàng xây dựng một toà bảo tháp để lưu truyền đến muôn đời. Nhân đó, bèn phát gia tài bắt đầu tậu 4 mẫu ruộng lưu lại cho xã Phật Tích cày cấy để giữ gìn việc hương hoả thờ phụng bảo tháp các tiết 4 mùa y như trong đoạn ước.

Văn bia “Nam mô A Di Đà phật, sắc kiến Linh Quang tháp” 南無阿彌陀佛□
勅建靈光塔 (5)

奉佛外護 太保宣郡公暨道場壩家等□ 正和二十年屠維單閼大章穀日造□

Tạm dịch: Nam mô A Di Đà Phật, Sắc: xây dựng tháp Linh Quang, thờ phụng Phật ngoại hộ Thái bảo Tuyên Quận công và đạo tràng mọi nhà. Hỏa táng vào ngày tốt tháng năm Chính Hoà thứ 20 (1700).

1.2. Văn bia ở các tháp chùa Phật Tích thể hiện sự minh bạch về ruộng đất

Trong xã hội quân chủ, ở nông thôn vùng đồng bằng Bắc bộ, tài sản lớn nhất và quan trọng nhất trong xã hội là ruộng đất. Các vị tân khoa Tiến sĩ, được nhà vua đãi ngộ bằng cách ban cho một số ruộng đất để làm tư dinh; các quan văn võ có công được thăng thưởng phẩm hàm đều được ban bổng lộc bằng ruộng đất; cha mẹ chết đi, chia của cải cho con chủ yếu là chia ruộng đất; con gái lấy chồng được cha mẹ cho của hồi môn, thông thường là cho mấy mẫu ruộng để vợ chồng cày cấy,... Vì vậy, việc cúng ruộng vào chùa để gửi gắm cho cha mẹ, sự phụ của các vị tăng ni, phật tử chùa Phật Tích là chuyện phù hợp với tình hình chung của thời đại. Điều đáng chú ý ở đây là các văn bia khi đề cập số ruộng đất được bán cho người mua để người đó cúng vào chùa Phật Tích, thường được ghi chép rất minh bạch và tỷ mỉ. Cụ thể:

Văn bia Phổ Quang tháp bi ký 普光塔碑記 (6) có ghi rõ số thửa ruộng mới bán cho người mua để cúng vào chùa:

奉祀祖二宗于東兌二甲忌三月二十日田壹畝重

明社阮進兼妻范氏席斷賣田一所叁箇同花處東兌 近本社田□ 南北近靈明社田□ 古廟社范有禮
□ 范 氏連斷賣田一所貳箇浦黃處□ 東近尚黑 兌近曲 庭衣田 南近路北近三寶田□
古廟社阮氏晉斷賣 田一所貳箇 東近翁勤□ 北近民田□ 一所壹箇 東 近翁 □兌近伯奉□
南近民田 北近茹物□ 一所貳 箇坡坐處東近義址社田□ 兌近伯奉田□ 南近茹廚 田北差物田□

鄉老奉事實塔□ 每月朔望二期供養□□□田二畝 敬北處憲司 處黎公幹斷賣田一所 叁箇同珠
處東 北近受塵社田□ 兌南近三寶田□ 一所貳箇在重明 社地分 同槽 處□ 東近佛跡社田□
北近重明社田 兌南近受塵社田□

重明社思良伯阮進達斷賣田三所共五箇同花 處□ 東近陳德維 兌近佛跡社田 南近阮文焚 北近
三寶田□ 一所東兌近三寶田□ 南近佛跡社田□ 北近本主□ 一所東兌南 蝼處□ 東□
兌近佛跡社 田□ 南近阮有禮田□ 北近三寶田□ 一所壹箇□ 東 近古廟社田□ 兌近重明社田□
南近阮維精□ 北近 東山社田□ 一所壹箇捌尺同姿處□ 東南近義址 社田 兌近杜世各□
北近吳文保□ 重明社福嚴村 阮丕佑 妻阮氏齊斷賣田一所肆箇捌尺東近罢輝 田□
兌近阮玉必田□ 北近□□塵社田□

永福社 阮凡斷賣田一所壹箇同花處□ 東近三寶田□ 兌北近重明社田 南近小路.
佛跡社將嚴量斷賣田一所壹箇捌尺 同花處□ 東南北近重明社田□ 兌近茹罕.

重明社三人□ 范維壹妻陶氏淡□ 婦女阮氏侯□ 阮氏洞等斷賣田四所共陸箇: 一所壹箇捌尺蒲
黃處□ 東近義路社田□ 兌近義址社田□ 南近古廟 社田□ 北近小路□ 一所貳箇□ 東近文遵□
兌近茹

□□ 南近路, 北近尚邦□ 一所壹篙捌尺□ 東近茹 壯□ 兌近三寶田□ 南近杜往□ 北近 尚邦□
一所 貳篙 同婆處□ 東近阮德所□ 兌近黃舍社田□ 南 近阮富強□ 北近阮登壽□

Tạm dịch: - Hai giáp Đông Đoài thờ phụng tổ Nhị Tông giỗ ngày 20 tháng 3, ruộng 1 mẫu, người xã Trùng Minh là Nguyễn Tiến Kiêm vợ là Phạm Thị Tịch bán đứt một thửa ruộng 3 sào ở xứ Đồng Hoa (Đông, Đoài giáp ruộng bản xã, Nam, Bắc giáp ruộng xã Linh Minh). Người xã Cổ Miếu là Phạm Hữu Lễ vợ là Phạm Thị Liên bán đứt một thửa ruộng 2 sào ở xứ Bồ Hoàng (Đông giáp Thượng Điểm, Đoài giáp ruộng Khúc Đình Y, Nam giáp đường, Bắc giáp ruộng Tam bảo). Người xã Cổ Miếu là Nguyễn Thị Tấn bán đứt một thửa ruộng 2 sào (Đông giáp ruộng ông Cần, Bắc giáp ruộng dân. Một thửa 1 sào (Đông giáp ruộng ông Sồi, Đoài giáp ruộng Bá Phụng, Nam giáp ruộng dân, Bắc giáp ruộng nhà Vật). Một thửa 2 sào ở xứ Bồ Toạ (Đông giáp ruộng xã Nghĩa Chỉ, Đoài giáp ruộng Bá Phụng, Nam giáp ruộng nhà chùa, Bắc giáp ruộng Sai Vật).

Hương lão phụng sự bảo tháp, đến hai kỳ Sóc, Vọng hàng tháng cúng dàng gạo nếp, ruộng 2 mẫu do viên Đề lại xứ Kinh Bắc là Lê Công Can bán đứt một thửa ruộng 3 sào ở xứ Đồng Châu (Đông, Bắc giáp ruộng xã Thụ Triền, Đoài, Nam giáp ruộng Tam bảo). Một thửa 2 sào ở xứ Đồng Tàu thuộc địa phận xã Trùng Minh (Đông giáp ruộng xã Phật Tích, Bắc giáp ruộng xã Trùng Minh, Đoài Nam giáp ruộng xã Thụ Triền).

Người xã Trùng Minh là ngài Tư Lương bá Nguyễn Tiến Đạt bán đứt ba thửa ruộng cộng là 5 sào ở xứ Đồng Hoa (Đông giáp ruộng Trần Đức Duy, Đoài giáp ruộng xã Phật Tích, Nam giáp ruộng Nguyễn Văn Phần, Bắc giáp ruộng Tam bảo). Một thửa (Đông, Đoài giáp ruộng Tam bảo, Nam giáp ruộng xã Phật Tích, Bắc giáp ruộng bản chủ). Một thửa ở xứ Sâu (Đông, Đoài giáp ruộng xã Phật Tích, Nam giáp ruộng Nguyễn Hữu Lễ, Bắc giáp ruộng Tam bảo). Một thửa 1 sào, Đông giáp ruộng xã Cổ Miếu, Đoài giáp ruộng xã Trùng Minh, Nam giáp ruộng Nguyễn Duy Tinh, Bắc giáp ruộng xã Đông Sơn. Một thửa 1 sào 8 thước ở xứ Đồng Lâu, Đông Nam giáp ruộng xã Nghĩa Chỉ, Đoài giáp ruộng Đỗ Thế Các, Bắc giáp ruộng Ngô Văn Bảo.

Người thôn Phúc Nghiêm xã Trùng Minh là Nguyễn Phi Hựu vợ là Nguyễn Thị Tề bán đứt một thửa ruộng 4 sào 8 thước (Đông giáp ruộng Bấy Huy, Đoài giáp ruộng Nguyễn Ngọc Tất, Bắc giáp ruộng xã Lũng Triền).

- Người xã Vĩnh Phúc: Nguyễn Phàm bán đứt một thửa ruộng 1 sào ở xứ Đồng Hoa (Đông giáp ruộng Tam bảo, Đoài, Bắc giáp ruộng xã Trùng Minh; Nam giáp tiểu lộ).

- Vị tướng người xã Phật Tích là Nghiêm Lượng bán đứt một thửa ruộng 1 sào 8 thước ở xứ Đồng Hoa (Đông, Nam, Bắc giáp ruộng xã Trùng Minh, Đoài giáp ruộng nhà Hãn).

- Xã Trùng Minh có 3 người: Phạm Duy Nhất vợ là Đào Thị Dạm, người phụ nữ Nguyễn Thị Hào, Nguyễn Thị Động bán đứt 4 thửa ruộng cộng là 6 sào: một thửa 1 sào 8 thước ở xứ Bồ Vàng (Đông giáp ruộng xã Nghĩa Lộ, Đoài giáp ruộng xã Nghĩa Chỉ; Nam giáp ruộng xã Cổ Miếu, Bắc giáp tiểu lộ). Một thửa 2 sào (Đông giáp ruộng Văn Tuấn, Đoài giáp ruộng nhà Mừng; Nam giáp đường, Bắc giáp Thượng Bang). Một thửa 1 sào 8 thước (Đông giáp ruộng nhà Trang, Đoài giáp ruộng Tam bảo; Nam giáp ruộng Đỗ Chinh, Bắc giáp ruộng Thượng Bang). Một thửa 1 sào 8 thước (Đông giáp ruộng nhà Trang, Đoài giáp ruộng Tam bảo, Nam giáp ruộng Đỗ Vãng - Bắc giáp ruộng Thượng Bang. Một thửa 2 sào ở xứ Đồng Sâu (Đông giáp ruộng Nguyễn Đức Sở, Đoài giáp ruộng xã Hoàng Xá; Nam giáp ruộng Nguyễn Phú Cường, Bắc giáp ruộng Nguyễn Đăng Thọ).

Từ đoạn trích trên đây, chúng ta thấy, sự minh bạch không chỉ là ghi rõ số mẫu, sào, thước, tấc mà còn ghi rõ 4 phía (Đông, Tây, Nam, Bắc) ruộng đó giáp ruộng của ai hoặc giáp đường đồng nào.

1.3. Các văn bia dựng trong tháp sư ở chùa Phật Tích hầu hết được khắc vào thời Lê Trung Hưng và nhiều bia không có hoa văn

Tìm hiểu văn bia ở nhiều ngôi cổ tự ở cùng đồng bằng Bắc bộ, như: chùa Đậu (Thường Tín, Hà Nội), chùa Bút Tháp (Thuận Thành, Bắc Ninh), chùa Keo (Nam Định), ...chúng tôi thấy ở những ngôi chùa đó có nhiều bia có niên đại thời Lê Trung hưng. Trường hợp văn bia chùa Phật Tích cũng như vậy: Đa số là văn bia thời Lê Trung hưng, nhưng có điểm đặc biệt là bia ở chùa Phật Tích hầu hết có kích thước có độ lớn vừa phải và nhiều bia không có hoa văn; một số bia chỉ có một mặt. Cụ thể:

1- Văn bia “Phụng tự đoan bi ký /Phổ Quang tháp bi ký” 奉祀端碑記/普光塔碑記 (7): 2 mặt,

kích thước: 47 x 90 cm, gồm 36 hàng chữ Hán và Nôm, toàn văn khoảng 600 chữ, không hoa văn, ký huý chữ “đề” , soạn vào năm Vĩnh Trị 5 đời vua Lê Hy tông (1680).

2- Văn bia “Hiển Quang tháp ký” 顯光塔記 (8).

1 mặt, kích thước 72 x 76 cm, gồm 18 hàng chữ Hán, toàn văn khoảng 550 chữ, không hoa văn, không ký huý, soạn vào năm Vĩnh Trị thứ 5 đời vua Lê Hy Tông (1680)

3- Văn bia “Viên Quang tháp bi ký” 圓光塔記 (9).

1 mặt, kích thước 68 x 90 cm, gồm 22 hàng chữ Hán- Nôm, toàn văn khoảng 550 chữ, không hoa văn, ký huý, soạn vào năm Chính Hoà thứ 5 đời vua Lê Hy Tông (1684).

4- Văn bia “Vạn Phúc đại thiên tự bi” 萬福大禪 寺碑/建立三宝田祀事 祖師恩光塔碑記 (10): 2 mặt, kích thước 110 x 170 cm, gồm 58 hàng chữ Hán và Nôm, toàn văn khoảng 2000 chữ, có hoa văn, không ký huý, do sinh đồ người xã Phật Tích soạn; Pháp Ấn hoà thượng viết chữ, soạn vào niên hiệu Chính Hoà thứ 7 đời vua Lê Hy Tông (1686).

5- Văn bia “Sắc kiến Linh Quang tháp” 勅建靈 光塔 (11). 1 mặt, kích thước 50 x 89cm, gồm 2 dòng

chữ Hán, gồm 28 chữ, không hoa văn, không ký huý, soạn vào năm Chính Hoà 20 đời vua Lê Hy Tông (1699).

6- Văn bia “Thư bút đặc tứ” 書筆特賜 (12). 1 mặt, kích thước: 35 x 58 cm, gồm 9 hàng chữ Hán- Nôm, toàn văn khoảng 180 chữ, không có hoa văn, không ký huý, soạn vào ngày lành tháng Kỷ Sửu (12) năm Cảnh Hưng thứ 16 đời vua Lê Hiển Tông (1755).

7- Văn bia “Mật Hạnh thiền sư am ký” 密行禪 師庵記 (13). 1 mặt, kích thước 40 x 60 cm, gồm 26

hàng chữ Hán, toàn văn khoảng 750 chữ, có hoa văn, không ký huý, soạn vào năm Cảnh Hưng thứ 20 đời vua Lê Hiển Tông (1759), người soạn: Trình Nam Thành; người viết chữ: nhà sư Giác Tình.

8- Văn bia “Hậu Phật bi” 后佛碑記 (14). 1 mặt, kích thước 27 x 49 cm, gồm 11 hàng chữ Hán, toàn văn khoảng 190 chữ, không hoa văn, không ký huý, soạn vào năm Cảnh Hưng 24 đời vua Lê Hiển Tông (1763).

9- Văn bia “Ma ha Sa di ni Nguyễn Quý thị hiệu Diệu Trí Thích Tuệ Nhật hóa thân Bồ tát tòa hạ”

摩訶沙彌尼阮貴氏號妙智禪慧日化身菩薩座下 (15). 1 mặt, kích thước 46 x 47 cm, gồm 10 hàng chữ Hán- Nôm, khoảng 100 chữ, không có hoa văn, không có ký huý, soạn vào năm Quý Tỵ (1773?).

10- Văn bia “Phụng sự tông sư phụ mẫu điền ký” 奉事宗師 父母田記 (16). 1 mặt, kích thước: 55

x 92 cm gồm 22 hàng chữ Hán, toàn văn khoảng 1000 chữ, không hoa văn, không ký huý, soạn vào năm Cảnh Hưng thứ 5 đời vua Lê Hiển Tông (1774), do TS khoa Đinh Mùi, Gián nghị đại phu, Nghĩa phương hầu Nguyễn Vĩ soạn. Phạm Đăng Truyền, Thư toán khoa Tân Mão, chức vụ Lại phiên Điển thư Câu kê viết chữ.

11- “Phổ Quang tháp bi ký” 普光塔記 (17). 1 mặt, khổ 77 x 192 cm, gồm 40 hàng chữ Hán- Nôm, toàn văn khoảng 1000 chữ, không hoa văn, không ký huý Cảnh Trị 2 (1774)-Người soạn: Tưởng Quang Đình, người nước Minh, chức vụ Khu Tào dật sử.

12- Văn bia “Thiên Trúc tông liên hợp nhị đế dung thông tự ký” 天竺宗聯合二諦融通敘記 (18).

1 mặt, kích thước 65 x 74 cm, gồm 18 hàng chữ Hán- Nôm, toàn văn khoảng 400 chữ, không hoa văn, không ký huý, soạn vào ngày lành tháng Mạnh Xuân năm Kỷ Mùi triều Lê.



Bia “Vạn Phúc đại thiên tự bi” chùa Phật Tích - Ảnh: Suu tầm

Số văn bia thời Nguyễn có 4 tấm. Cụ thể:

1- Văn bia “Phật hậu lập bi ký” 微佛后立碑記 (19).

4 mặt, kích thước 35 x 50 và 13 x 50 cm, gồm 37 hàng chữ Hán- Nôm, khoảng 1.080 chữ, không có hoa văn, không có ký huý, soạn vào năm Mậu Tý (1828?) do nhà sư Mật Hạnh soạn.

2- Văn bia “Vạn Phúc tự bi ký” 萬福寺碑記 (20). 2 mặt, kích thước 66 x 105 cm, gồm 29 hàng chữ Hán- Nôm, toàn văn khoảng 850 chữ, không hoa văn, không

ky huý, soạn vào năm Thiệu Trị thứ 6 (1846), do Vương Đình Chiếu hiệu Thanh Dương Diệu Phổ, quê xã Thanh Tôn huyện Hoàng Tín Thanh Hoá, cử nhân khoa Đinh Dậu (1837), Tri huyện Tiên Du, Ấn sát Hải Dương soạn; bản xã sĩ nhân Nguyễn Văn Quán viết chữ.

3- Văn bia “Vạn Phúc tự bi ký” 萬福寺碑記 (21). 1 mặt, kích thước 52 x 140 cm, gồm 19 hàng chữ Hán- Nôm, bia bị vỡ đôi, có hoa văn, không ky huý, soạn vào thời Nguyễn.

4- Văn bia “Truy tiến bản sư kỵ nhật bi ký” 追 薦本師忌日碑記 (22). 1 mặt, kích thước 52 x 61 cm,

gồm 16 hàng chữ Hán- Nôm, khoảng 530 chữ, có hoa văn, không có ky huý, soạn vào năm Tự Đức thứ 8 (1855), do nhà sư Mật Hạnh soạn.

Từ những trình bày trên đây, chúng ta thấy văn bia chùa Phật Tích ở Bắc Ninh có một số đặc điểm. Những đặc điểm đó góp phần tạo nên sự chú ý của những người muốn tìm hiểu về ngôi chùa và góp phần tạo nên sự độc đáo của di tích.

2. Giá trị tư liệu của văn bia chùa Phật Tích tỉnh Bắc Ninh

2.1. Nội dung nhiều văn bia giúp chúng ta hiểu được đời sống tín ngưỡng của giới quý tộc thời Lê Trung hưng

Ở miền Bắc nước ta, vào thời Lê sơ (1428- 1527) và Lê Trung hưng (1533- 1788), song song với hiện tượng Nho giáo rất phát triển, thì Phật giáo cũng phát triển không kém. Nhiều thiền phái được kiến tạo hoặc được phục hưng và không ngừng phát huy thanh thế. Điều đó có được là nhờ có sự hỗ trợ của giới quý tộc và hoàng thân quốc thích. Tại một số tỉnh ở miền Bắc, nhiều cơ sở thờ tự Phật giáo được xây dựng với quy mô lớn với lối trúc rất bề thế, trang trí lộng lẫy như chùa Linh Cảm, chùa Phật Tích, chùa Bút Tháp, chùa Bồ Đà (Bắc Ninh), chùa Thành Đạo (Thường Tín, Hà Nội), chùa Keo (Thái Bình),...



Tượng linh thú trước chùa Phật Tích - Ảnh: Minh Khang

Điều đó có được là nhờ sự quan tâm của triều đình và giới quan chức cao cấp. Một số cung phi, một số công chúa đã xuống tóc đi tu. Có những vị quan chức cao cấp, ban đầu thì có thái độ công kích Phật giáo và giới tăng sĩ, nhưng sau khi tiếp cận và đàm đạo với tăng sĩ thì thay đổi hẳn thái độ và đã tu Phật. Đó là trường hợp Cồn Quận công và Dũng Lễ công (23). Số ruộng đất do các vị quan chức hoàng thân quốc thích, cung tần,... công đức vào chùa là rất lớn. Tại chùa Phật Tích, vào thời Lê, số ruộng có đến hơn 200 mẫu. Điều đó giúp chúng ta hiểu được ít nhiều đời sống tín ngưỡng của giới quý tộc thời Lê Trung hưng.

2.2. Văn bia chùa Phật Tích góp phần giúp chúng ta hiểu được đạo lý hiếu nghĩa của người xưa

Văn bia “Phụng sự tôn sữ, phụ mẫu điền ký”

奉事宗師□ 父母田記 (24) cho chúng ta biết: Đại tử khuu ni hiệu Minh Hành là người tu hành theo dòng Tào Khê về trụ trì chùa Phật Tích, tưởng nhớ đến các vị tổ sư và cha mẹ, bà đã mua khu ruộng ở xã Phật Tích gồm 1 mẫu 2 sào với giá tiền là 50 quan để hương đăng tiến cúng các vị tổ sư và cha mẹ bà tại chùa. Những người được cung kính dâng cúng cùng số ruộng cụ thể như sau:

恭薦供祖師 安子山龍洞寺寂光塔 勅賜慧燈 僧統正覺和尚真源禪師化身菩薩田拾畝□

- 恭薦供德聖父字福履誕日十一月十五日諱日 正月十五日二節田.

- 恭薦供德聖母號壽福誕日十月二十六日諱日 三月初二日二節田□

- 供禪宗祖師安子竺林摩訶比丘字如座入定十 月二十二日□ 字如紹 入定二月初七日□ 字如隨 入定十月二十七日□ 字如如 入定二月十五日□ 共田配享□

- 侍供鄭相公贈雄謀勇畧大王諱日七月十四日 田配享 □ 18 chữ bị xoá□

- 侍供武貴公字福厚 諱日三月二十三日田配享

- 斷賣上山脚佛跡社坐洛東厨處連壹區當壹畝貳高 錢五拾貫□ 東近民家□ 西近本寺□ 南近寶池北, 近普同塔□ 付與門徒不為己私 永傳宗派 并池一口□

Tạm dịch: -Cung kính dâng cúng tổ sư tháp Tịch Quang chùa Long Động núi Yên Tử được ban sắc Tăng thống Tuệ Đăng Chính Giác hoà thượng Chân Nguyên thiền sư hoá thân Bồ tát 10 mẫu ruộng;

- Cung kính dâng cúng đức Thánh phụ tự Phúc Lý, đản sinh ngày 15 tháng 11, giỗ ngày 15/ Giêng;

- Cung kính dâng cúng đức Thánh mẫu hiệu Thọ Phúc, đản sinh ngày 26 tháng 10, giỗ ngày 2/3;

- Hầu cúng Thiên tông tổ sư Yên Tử Trúc Lâm Ma Ha tử khuu tự Như Toà nhập định ngày 20 tháng 10; tự Như Thiệu nhập định ngày 7 tháng 2; tự Như Tuỳ, nhập định ngày 27 tháng 10; tự Như Như nhập định ngày 15 tháng 2;

- Hầu cúng Trịnh tướng công, được phong tặng Hùng Mưu Dũng lược đại vương, giỗ ngày 14 / 7;

- Hầu cúng Vũ tôn công Trịnh đại tướng quân tự Như Tôn;

- Hầu cúng Vũ quý công tự Phúc Hậu, giỗ ngày 23 tháng 3.

Tại văn bia “Phụng tự đoan bi ký” 奉祀端碑記 (25) có đoạn:

原古跡大名藍萬福禪寺至茲 梨朝景治七年窃 見 皇孫大比丘尼妙慧□
勅封聖善菩薩雲遊處處 靈山會上□ 念崇佛道□ 其本社供養石塔一座 乞 為宗子□ 因此□
皇孫構作寶塔 座□ 自此以來再 新買田 共叁畝五篙 付與佛跡社宗子東兌二甲鄉
老盤監守耕種□ 其田以供祀事焚香寶塔□ 每月 二期朔望米□三斗□ 香燈如日月長□
其本社自 茲以後 小十八以上 或某員人恃其權勢 豪強奪 爭□ 鄉老此田有罪□ 願
皇天諸佛誅滅□ 散失人 身 為此茲端□

Tạm dịch: Nguyên cổ tích đại danh lam Vạn Phúc thiền tự, đến đó vào năm thứ 7 niên hiệu Cảnh Trị triều Lê (1669) thiết kiến hoàng tôn đại tử khuu ni Diệu Tuệ, được sắc phong Thánh Thiện Bồ tát, vân du xứ xứ Linh Sơn thượng, luôn sùng Phật đạo. Người bản xã cúng dàng một toà tháp đá để xin được làm tôn tử. Nhân đó, hoàng tôn xây dựng một toà bảo tháp. Từ đó đến nay lại lại mua ruộng cộng được 3 mẫu 5 sào, giao cho bàn Hương lão giám sát việc cày cấy của tôn tử hai giáp Đông, Đoài xã Phật Tích. Hoa lợi của ruộng đó dùng để chi vào việc hương hoả thờ cúng bảo tháp. Mỗi tháng hai kỳ Sóc, Vọng biện xôi, oản 3 đấu, hương đăng trường tồn như nhật nguyệt. Ruộng đó, từ nay về sau, người trong xã từ 18 tuổi đến thượng cụ, nếu có người nào cày quyền thế cường hào tranh đoạt ruộng đó là có tội, xin hoàng thiên chư Phật tru diệt, tán thất nhân thân theo như đoạn này.

2.3. Nội dung văn bia giúp chúng ta hiểu được tầm ảnh hưởng của trung tâm Phật giáo Phật Tích đối với xã hội thời Lê-Trịnh

Chùa Phật Tích là một đại danh lam, có phong cảnh đẹp. Phong cảnh đó tạo cảm hứng sáng tác cho nhiều thi nhân mặc khách khi đến vãng cảnh chùa. Vào thời Trần, Chu Văn An có bài Nguyệt tịch bộ Tiên Du tùng kính 月夕步仙 遊山松徑; Nguyễn Ước có bài Chu quá Bắc Giang Tiên Du tác 舟過北江仙遊作 ca ngợi cảnh chùa núi Tiên Du (chùa Phật Tích), nhưng hai bài đó đều là thơ chữ Hán. Đến thời Lê Trung hưng, vua Lê Hiển Tông, có bài thơ Nôm sáng tác vào ngày 25 tháng 7 năm Mậu Thìn (1748) tặng vị quan ngự y về hưu, được khắc lên bia vào ngày lành tháng 12 năm Cảnh Hưng thứ 16 (1755). Bài thơ đó nguyên văn như sau:

書筆特賜

(奉敘致仕詩□

忠勤□□□搢周旋

成遂□□它斐所願

山水圖丰油點出

耆英席合點邁勸

朗□呵朗念醫國

醴道强醴□教禪

勉勉矣箕勾益壯

祿□爵諾誰綿綿□

Phiên âm:

Thư bút đặc tứ (phụng tự trí sĩ thi)

Trung cần hai chữ vẫn chu toàn (tuyên)

Thành toại nay đà phỉ sở nguyên

Sơn thủy đồ phong dầu điểm tuyết

Kỳ anh tịch hợp điểm mại khuyên

Lãng vui há lãng niệm y quốc

Say đạo càng say cỗi giáo Thiên

Miền miển hỡi kia câu ích tráng

Lộc trời, tước nước thủy miên miên.

Bài thơ Nôm của một vị hoàng đế tặng một vị quan ngự y trong triều đã về hưu có mối quan tâm đến cửa Thiên. Nội dung và câu chữ của bài thơ thể hiện mối tình thân của những người cùng có mối quan tâm đến Nho giáo và Phật giáo. Đây cũng là bài thơ hiếm có ở không gian Phật giáo Bắc Ninh.

Tóm lại, văn bia chùa Phật Tích tỉnh Bắc Ninh có một số đặc điểm và giá trị tư liệu quý so với văn bia ở một số chùa ở Bắc Ninh. Hầu hết bia ở đây được dựng vào thời Lê Trung hưng, trong khi một số chùa ở Bắc Ninh được dựng vào thời Nguyễn (chùa Đại Thành, chùa Linh Sơn, chùa Đồng Nhân,...).

Tác giả: **Nguyễn Quang Khải**

Nguyên Phó Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Bắc Ninh (cũ)

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 09/2026

Chú thích:

(1) In trong Tổng tập thác văn khắc Hán Nôm tập 3, mang ký hiệu 2181, có kích thước 40 x 60 cm, gồm 26 dòng chữ Hán, toàn văn có khoảng 750 chữ, có hoa văn, dựng vào năm Cảnh Hưng thứ 20 (1759) do Trịnh Nam Thành 鄭南成 soạn, nhà sư Giác Tính 覺性 viết chữ.

(2) Bia hiện có tại chùa Vạn Phúc xã Phật Tích. 1 mặt, khổ 72 x 76 cm, gồm 18 hàng chữ Hán, toàn văn khoảng 550 chữ, không hoa văn, ký huý. Niên đại: Vĩnh Trị 5 (1680). Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm tập 3 có ký hiệu: 2186.

(3) Bia hiện có tại chùa Vạn Phúc xã Phật Tích. 1 mặt, khổ 68 x 90 cm, gồm 22 hàng chữ Hán- Môn, toàn văn khoảng 550 chữ, không hoa văn, không ký huý. Niên đại: Chính Hoà 5 (1684). Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm tập 3 có ký hiệu: 2187.

(4) Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 3, bia mang ký hiệu: 2182.

(5) Bia hiện có tại chùa Vạn Phúc xã Phật Tích. 1 mặt, khổ 55 x 92 cm gồm 22 hàng chữ Hán Nôm, toàn văn khoảng 1000 chữ, không hoa văn, ký huý chữ . Niên đại: Cảnh Hưng 5 (1774). Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm tập 3 có ký hiệu: 2184.

(6) Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 3, bia mang ký hiệu: 2183-2184.

(7) Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 3, bia mang ký hiệu: 2186.

(8) Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 3, bia mang ký hiệu: 2187.

(9) Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 3, bia mang ký hiệu: 2146/2147.

(10) Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 3, bia mang ký hiệu: 2182.

(11) Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 3, bia mang ký hiệu: 2179.

(12) Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 3, bia mang ký hiệu: 2181.

- (13) Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 3, bia mang ký hiệu: 2180.
- (14) Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 16, bia mang ký hiệu: 15.539.
- (15) Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 3, bia mang ký hiệu: 2185.
- (16) Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 3, bia mang ký hiệu: 2188.
- (17) Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 16, bia mang ký hiệu: 15.529.
- (18) Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 16, bia mang ký hiệu: 15.535/15536/15537/15538.
- (19) Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 16, bia mang ký hiệu: 15.530/15.531.
- (20) Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 16, bia mang ký hiệu: 15.533.
- (21) Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 16, bia mang ký hiệu: 15.534.
- (22) Theo Nguyễn Quang Khải- Thích Nguyên Đạt (bản dịch, 2000), Chuyết Chuyết tổ sư ngữ lục, NXB Thanh Hoá.
- (23) Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 3, bia mang ký hiệu: 2185.
- (24) Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 3, bia mang ký hiệu: 2183.
- (25) Xin xem: Viện Văn học (1978), Thơ văn Lý- Trần tập 3, NXB Khoa học xã hội, tr. 39; 53.

Tài liệu tham khảo:

- 1] Nguyễn Quang Khải- Thích Nguyên Đạt (bản dịch, 2000), Chuyết chuyết tổ sư ngữ lục, NXB Thanh Hoá;

2] Viện Cao học thực hành- Viện nghiên cứu Hán Nôm- Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp (2005), Tổng tập thạc bản văn khắc Hán Nôm, tập 3 và tập 16, NXB Văn hoá- Thông tin;

3] Viện Văn học (1978), Thơ văn Lý Trần , tập III, NXB Khoa học Xã hội.